

Bản án số: **46/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 05/9/2017.

“V/v tranh chấp xin ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1) Ông Trần Xươngne.

2) Bà Lưu Thị Tám.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 200/2017/HNGĐ-ST, ngày 19 tháng 6 năm 2017 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2017/QĐXX- ST ngày 01 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2017.QĐST-DS, ngày 18/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp A, thị trấn K, huyện B, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: Ấp N, thị trấn K, huyện B, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp A, thị trấn K, huyện B, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2017 các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1985 bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn, do trong quá trình chung sống chồng bà là ông Nguyễn Văn T thường xuyên say sưa, về nhà quậy quạn chưởi mắng vợ con, mỗi đêm chưởi mắng đến 1, 2 giờ sáng nên mẹ con bà không thể ở chung được vì vậy bà và con phải dọn ra ngoài ở. Nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, hôn nhân không thể tồn tại nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: bà và ông T có với nhau hai con chung là Nguyễn Duy T, sinh năm 1986 và Nguyễn Thị Thúy D, sinh ngày 05/9/1992, hiện nay đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình thì bà Nguyễn Thị Thùy D có cung cấp cho Tòa án 01 sổ hộ khẩu gia đình do ông Nguyễn Văn T làm chủ hộ; 01 bản sao giấy khai sinh của Nguyễn Duy T, sinh năm 1986 và 01 bản sao giấy khai sinh của Nguyễn Thị Thúy D, sinh ngày 05/9/1992.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho ông T nhưng ông T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà D. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ ông T hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại tòa nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được để đưa vụ án ra xét xử.

Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách có ý kiến về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự từ khi giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Về nội dung vụ án thì kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn, vị Kiểm sát viên cũng đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị đơn. Sau khi hội ý tại bàn Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: bà D, ông T kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng do bà D và ông T kết hôn vào năm 1985 theo quy định tại điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 9/6/2000 của Quốc hội có quy định trong trường hợp vợ chồng được xác lập trước ngày 3/1/1987, ngày luật Hôn nhân gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn, trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết theo luật định về ly hôn của luật hôn nhân gia đình. Vì vậy, bà D có quyền yêu cầu ly hôn với ông T.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà D: Bà D cho rằng trong quá trình chung sống với nhau, giữa bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn ông T thường xuyên say sưa, về nhà quậy quạn chửi mắng vợ con nên mẹ con bà không thể ở chung được vì vậy bà và con phải dọn ra ngoài ở. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàng gấn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà D vẫn cương quyết xin ly hôn với ông T, từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến nay Tòa án đã thông báo cho ông T biết việc bà D yêu cầu ly hôn với ông T, lý do xin ly hôn nhưng ông T không có văn bản ý kiến, cũng như phản đối gì và Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập bà D, ông T đến Tòa để hòa giải đoàn tụ nhưng ông T đều không đến, hiện nay vợ chồng bà D, ông T mỗi người sống một nơi không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của hai người đã lâm vào tình trạng trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Bà D và ông T có với nhau hai con chung là Nguyễn Duy T, sinh năm 1986 và Nguyễn Thị Thúy D, sinh ngày 05/9/1992, hiện nay đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích trên thấy rằng đề nghị của kiểm sát viên tại phiên Tòa hôm nay là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Khoản a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy D về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn T. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Nguyễn Duy T, sinh năm 1986 và Nguyễn Thị Thúy D, sinh ngày 05/9/1992, hiện nay đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0007499 ngày 19/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng và như vậy bà D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bị đơn thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kế Sách;
- THADS huyện Kế Sách;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đương sự cư trú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

TÔN THỊ THANH THÚY